

## ANALYSIS OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT IN LONG AN PROVINCE IN THE PERIOD 2010 - 2021

Nguyen Van Dung

Tan Thanh High School, Tay Ninh province

ARTICLE INFO		ABSTRACT
<b>Received:</b>	<b>15/9/2025</b>	Foreign direct investment plays an important role in promoting growth and economic restructuring. In the period 2010 - 2021, Long An province recorded an increase in the scale and number of projects with foreign direct investment, making a positive contribution to socio-economic development. The article applies historical and logical methods, collecting, analyzing and processing secondary data to clarify the process of attracting foreign direct investment into the locality in the above period. The research results show that, thanks to the synchronous implementation of appropriate policies and making good use of the advantages of the gateway position of the Mekong Delta, Long An province has created a favorable investment environment, attracting many strategic partners and resources from outside. These capital flows contribute to increasing the growth rate, promoting economic restructuring towards industrialization and modernization. On that basis, the study analyzes the positive aspects, identifies the existing problems and limitations and proposes solutions such as completing the regional transport infrastructure system; building synchronous industrial, urban and service clusters, etc. to attract more and more foreign direct investment capital and serve the economic development orientation of the province in the next period.
<b>Revised:</b>	<b>22/12/2025</b>	
<b>Published:</b>	<b>22/12/2025</b>	

### KEYWORDS

Investment structure  
Investment projects  
Investment partners  
Foreign direct investment  
Long An province

## VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH LONG AN GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Nguyễn Văn Dũng

Trường Trung học Phổ thông Tân Thạnh, tỉnh Tây Ninh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b>	<b>15/9/2025</b>	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giữ vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Giai đoạn 2010 - 2021, tỉnh Long An ghi nhận sự gia tăng về quy mô và số lượng dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Bài viết vận dụng các phương pháp lịch sử, logic, thu thập, phân tích và xử lý số liệu thứ cấp nhằm làm sáng tỏ quá trình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương trong giai đoạn trên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhờ triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách phù hợp và tận dụng tốt lợi thế vị trí cửa ngõ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Long An tạo được môi trường đầu tư thuận lợi, thu hút nhiều đối tác chiến lược và nguồn lực từ bên ngoài. Những dòng vốn này góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích những tích cực, nhận diện tồn tại, hạn chế và đề xuất các giải pháp như hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối vùng; xây dựng các cụm công nghiệp, đô thị, dịch vụ đồng bộ,... nhằm thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và phục vụ định hướng phát triển kinh tế tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.
<b>Ngày hoàn thiện:</b>	<b>22/12/2025</b>	
<b>Ngày đăng:</b>	<b>22/12/2025</b>	

### TỪ KHÓA

Cơ cấu đầu tư  
Dự án đầu tư  
Đối tác đầu tư  
Đầu tư trực tiếp nước ngoài  
Tỉnh Long An

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13608>

Email: vandung120286@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

169

Email: jst@tnu.edu.vn

## 1. Giới thiệu

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức đầu tư của cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài vào một quốc gia khác thông qua việc thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc mua lại cổ phần để tham gia quản lý. Hiệu quả thu hút FDI được đánh giá qua các tiêu chí như quy mô và tốc độ tăng vốn đầu tư, cơ cấu ngành và vùng lãnh thổ, chuyên giao công nghệ, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và sức lan tỏa với doanh nghiệp trong nước,... Đối với Việt Nam, việc thu hút FDI góp phần quan trọng trong bổ sung vốn, tiếp nhận công nghệ tiên tiến và mở rộng thị trường. Riêng tỉnh Long An (nay thuộc tỉnh Tây Ninh), nhu cầu thu hút FDI trở nên cấp thiết nhằm khai thác lợi thế vị trí địa lý, phát triển giá trị công nghiệp, dịch vụ và hiện đại hóa nông nghiệp. Trong giai đoạn 2010 - 2021, với những chủ trương, chính sách phù hợp, tỉnh đã thu hút nhiều nguồn FDI, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

Những luận giải trước đây về FDI chủ yếu tập trung làm rõ chủ trương, vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu và nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhiều công trình phân tích các yếu tố ảnh hưởng, thành tựu, hạn chế và rút ra bài học. Một số nghiên cứu đánh giá hiệu quả thực tiễn của FDI tại một số địa phương, đề xuất các giải pháp thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn này. Tiêu biểu như:

Về chủ trương, nghiên cứu của Hoàng Anh Minh [1] cho biết sau hơn 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Nhờ đó, khu vực kinh tế FDI phát triển nhanh, hiệu quả và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Gần đây, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII [2] định hướng: Chuyển trọng điểm chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên các dự án công nghệ cao, mô hình quản trị hiện đại,... Như vậy, Đảng luôn nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của thu hút FDI trong phát triển kinh tế.

Bàn luận vai trò và sự cần thiết thu hút FDI, tác giả Bùi Văn Huyền và Phạm Thị Bảo Thoa [3] cho biết thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với nhiều hạn chế, khó khăn thì sự mời gọi, thu hút các chuyên gia, nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài có ý nghĩa quan trọng. Các tác giả nhấn mạnh sau gần 40 năm, xu hướng thu hút FDI của Việt Nam có những thay đổi, chuyển biến theo hướng tích cực, bảo đảm thu hút FDI gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, song không thu hút FDI bằng mọi giá.

Nghiên cứu của Việt Tùng [4] cho biết Việt Nam vào nhóm 20 nước thu hút FDI hàng đầu thế giới và là điểm đến tin cậy, hiệu quả đối với các nhà đầu tư. Nghiên cứu chỉ ra các dự án FDI đã hiện diện tại 63/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đồng thời, dòng vốn FDI cũng thâm nhập vào 19/21 ngành nghề sản xuất, kinh doanh, phản ánh mức độ lan tỏa của nguồn vốn này trong nền kinh tế.

Về lĩnh vực và đối tác đầu tư, từ thực tiễn thu hút FDI tại tỉnh Bình Dương (2005 - 2015), tác giả Phạm Mạnh Thắng và Huỳnh Văn Vạn [5] cho biết đầu tư nước ngoài vào tỉnh Bình Dương ngày càng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững với những lĩnh vực có giá trị gia tăng cao. Các ngành, lĩnh vực như công nghiệp điện, điện tử, cơ khí, dược phẩm, hóa chất, thương mại dịch vụ... được nhiều nhà đầu tư quan tâm. Các tác giả xác định đối tác đầu tư vào tỉnh Bình Dương là các doanh nghiệp ở những phát triển của khu vực châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Xin-ga-po ngày càng gia tăng.

Trong “Đảng bộ tỉnh Tiền Giang lãnh đạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ năm 2010 đến năm 2019”, Phạm Mạnh Thắng và Nguyễn Hồng Phương [6] chỉ ra hạn chế của tỉnh Tiền Giang là công nghệ được chuyển giao từ các dự án FDI chưa đạt trình độ hiện đại, làm giảm hiệu quả lan tỏa trong nền kinh tế. Ngoài ra, phần lớn doanh nghiệp FDI tập trung vào lĩnh vực thâm dụng lao động với chi phí thấp, gia công, lắp ráp và phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu nhập khẩu. Đáng chú ý, dù có tiềm năng về nông nghiệp nhưng tỉnh chỉ thu hút số lượng dự án FDI ở mức khá khiêm tốn trong lĩnh vực này. Tác giả Nguyễn Xuân Quang [7] cho biết quá trình thu hút FDI tỉnh Thái Nguyên còn nhiều hạn chế như chất lượng dòng vốn đầu tư chưa cao, nặng về

sử dụng nhân công giá rẻ; áp lực về cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước; ô nhiễm môi trường; giải phóng mặt bằng,... từ đó ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư của tỉnh.

Đề cập đến giải pháp thu hút FDI của Nhật Bản vào Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Mạnh Thắng [8] cho rằng Thành phố Hồ Chí Minh cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng như bến cảng, sân bay, hệ thống đường cao tốc. Mặt khác, Phạm Mạnh Thắng [9] cho biết một trong những yêu cầu đặt ra là nâng cao chất lượng nguồn lao động có tay nghề và công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong lĩnh vực FDI. Nghiên cứu của Đinh Thị Vững [10] đề xuất cần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; hoàn thiện thể chế và thực hiện cơ chế đổi mới để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đồng thời, tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư; tạo môi trường thân thiện.

Nhìn chung, các nghiên cứu chỉ ra rằng hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, giúp khu vực FDI phát triển mạnh, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Một số công trình nhấn mạnh chuyển đổi định hướng thu hút FDI từ số lượng sang chất lượng, khuyến khích các dự án có công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn và khả năng lan tỏa [4], [5]. Bên cạnh đó, một vài nghiên cứu tại các địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tiền Giang và Thái Nguyên đã nhận diện được hạn chế, làm rõ vai trò của cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, lĩnh vực ưu tiên trong thu hút và nâng cao hiệu quả FDI [6]-[10]. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu tập trung phân tích kinh nghiệm ở cấp quốc gia hoặc một số địa phương trọng điểm, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về quá trình thu hút FDI tại tỉnh Long An. Vấn đề này có ý nghĩa đặc biệt khi đặt trong bối cảnh địa phương sở hữu vị trí chiến lược kết nối vùng Đông Nam Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long, cùng nền kinh tế đang chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp - dịch vụ. Với đặc thù vừa mang tính nông nghiệp truyền thống vừa hội tụ tiềm năng phát triển công nghiệp - dịch vụ, tỉnh Long An đặt ra những yêu cầu riêng biệt trong chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, việc nghiên cứu giúp làm rõ tính cấp thiết và những khác biệt trong chiến lược thu hút FDI so với các địa phương khác. Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đó, bài báo tiến hành phân tích những chủ trương của tỉnh Long An, đánh giá thực trạng, chỉ ra mặt tích cực cũng như những tồn tại, hạn chế trong quá trình thu hút FDI giai đoạn 2010 - 2021 và đề xuất một số giải pháp cho việc hoạch định chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả vận dụng kết hợp nhiều phương pháp nhằm bảo đảm tính toàn diện và chặt chẽ về mặt khoa học. Cụ thể, phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic được sử dụng để tái hiện và hệ thống hóa quá trình thu hút FDI tại tỉnh Long An theo tiến trình thời gian. Phương pháp sưu tầm, khảo cứu, tổng hợp và phê bình tư liệu được áp dụng nhằm phân tích nội dung cũng như giá trị học thuật của các công trình nghiên cứu liên quan đã công bố.

Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp thu thập, xử lý số liệu thứ cấp từ các nguồn tài liệu đã được công bố, bao gồm Niên giám thống kê, báo cáo kinh tế - xã hội tỉnh Long An qua các năm, cùng các công trình và bài báo khoa học có liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích, so sánh và đánh giá số liệu được triển khai để làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động thu hút FDI tại tỉnh Long An giai đoạn 2010 - 2021, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

## 3. Kết quả và bàn luận

### 3.1. Chủ trương thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Long An giai đoạn 2010 - 2021

Trong những thập niên đầu thế kỉ XXI, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các địa phương. Tỉnh Long An, giai đoạn 2010 - 2021 đang đứng trước yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng mạnh mẽ. Tuy nhiên, nguồn lực nội tại của tỉnh còn hạn chế, chưa đủ đáp

ứng nhu cầu đầu tư lớn cho hạ tầng và công nghiệp công nghệ cao. Việc thu hút FDI sẽ giúp bổ sung nguồn vốn, chuyển giao công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực quản trị, sản xuất. Do đó, tăng cường thu hút FDI là yêu cầu cấp thiết để tỉnh Long An đẩy nhanh quá trình phát triển bền vững và hội nhập hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Từ những nhận thức trên, Đại hội IX Đảng bộ tỉnh Long An (2010 - 2015) nhấn mạnh cần triển khai nhiều giải pháp thích hợp để “*huy động các nguồn vốn trong nước, ngoài nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp*” [11]. Đại hội X Đảng bộ tỉnh Long An (2015 - 2020) chủ trương cần “*tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, khuyến khích các doanh nghiệp FDI liên kết với các doanh nghiệp của tỉnh phát triển hệ thống phân phối hiện đại, hình thành chuỗi cung ứng, phân phối chuyên doanh, phương thức giao dịch tiên tiến. Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng giao nhận, kho vận, ... và các dự án lớn có khả năng tác động đến sự phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam*” [12]. Gần đây nhất, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (2020 - 2025) chỉ ra cần “*khuyến khích kêu gọi đầu tư chế biến hàng nông sản, đầu tư các khu nông nghiệp công nghệ cao; ... tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên các lĩnh vực công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, các dự án nước sạch, năng lượng sạch, điện khí hoá lỏng, thu hút đầu tư các ngành nghề công nghiệp hỗ trợ*” [13].

Tóm lại, các chủ trương thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Long An giai đoạn 2010 - 2021 thể hiện định hướng nhất quán và có tính kế thừa cao, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập. Tỉnh đã chủ động đề ra nhiều chủ trương nhằm huy động nguồn lực quốc tế phục vụ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và thương mại, qua đó tạo tiền đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, các chủ trương cũng nhấn mạnh việc gắn kết doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong tỉnh nhằm hình thành chuỗi giá trị và hệ thống phân phối hiện đại. Đặc biệt, địa phương còn ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản và năng lượng sạch. Những định hướng này khi triển khai hiệu quả, không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương theo hướng bền vững mà còn nâng cao vị thế của tỉnh Long An trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

### **3.2. Kết quả thực hiện**

#### **3.2.1. Số dự án và vốn FDI đăng ký**

*Dự án đầu tư:* Từ năm 2010 đến 2021, số dự án FDI vào tỉnh Long An có sự biến động rõ rệt giữa hai giai đoạn 2010 - 2015 và 2016 - 2021. Cụ thể, trong giai đoạn 2010 - 2015, tỉnh thu hút được tổng cộng 424 dự án FDI, chiếm khoảng 42,1% tổng số dự án toàn kỳ (1.008 dự án), với xu hướng tăng dần qua các năm, từ 44 dự án năm 2010 lên đến 109 dự án năm 2015, cho thấy sự khởi sắc về thu hút đầu tư nước ngoài. Sang giai đoạn 2016 - 2021, tỉnh Long An ghi nhận 584 dự án, tương đương 57,9% tổng số dự án, cao hơn 37,7% so với giai đoạn trước, cho thấy quy mô thu hút đầu tư tiếp tục mở rộng. Tuy nhiên, số lượng dự án trong giai đoạn này lại có sự dao động mạnh, sau mức 136 dự án vào năm 2019, số lượng giảm còn 85 trong năm 2020 và tiếp tục giảm mạnh xuống 54 dự án vào năm 2021, diễn biến trên phản ánh những tác động bất lợi từ bối cảnh kinh tế toàn cầu và đại dịch Covid-19. Như vậy, mặc dù giai đoạn 2016 - 2021 có tổng số dự án cao hơn, song tốc độ gia tăng không ổn định như giai đoạn 2010 - 2015, cho thấy sự chuyển dịch từ tăng trưởng về số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả đầu tư.

*Vốn đăng ký:* Từ năm 2010 đến 2021, FDI được đăng ký tại tỉnh Long An có sự biến động rõ rệt. Cụ thể, trong giai đoạn 2010 - 2015, tổng vốn đăng ký đạt 1.826,07 triệu USD, chiếm khoảng 26,1% tổng vốn toàn kỳ, với mức tăng trưởng tương đối nhanh vào các năm cuối giai đoạn (từ 151,60 triệu USD năm 2010 lên 694,36 triệu USD năm 2015, gấp khoảng 4,6 lần). Sang giai đoạn 2016 - 2021, vốn đăng ký tăng mạnh lên 5.179,66 triệu USD, chiếm tới 73,9% tổng vốn toàn kỳ. Đặc biệt, năm 2021 ghi nhận mức gia tăng đột biến với 3.473,88 triệu USD, cao gấp hơn 13 lần so với bình quân giai đoạn 2010 - 2015 và chiếm đến 49,6% tổng vốn của cả giai đoạn 2010 - 2021. Nguyên nhân của sự gia tăng đột biến này chủ yếu đến từ chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc của

tính giai đoạn 2020 - 2021, khi tập trung vào các dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, có giá trị gia tăng lớn, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 làm cho các nhà đầu tư quốc tế phải tái cấu trúc chuỗi cung ứng, dịch chuyển đầu tư ra khỏi một số quốc gia, Việt Nam trong đó có tỉnh Long An được xem là điểm đến an toàn, ổn định. Đồng thời, sự xuất hiện một số dự án quy mô lớn trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, logistics và năng lượng làm tăng mạnh tổng vốn đăng ký. Số dự án đầu tư và vốn FDI đăng ký tỉnh Long An giai đoạn 2010 - 2021 được thể hiện rõ qua bảng 1.

**Bảng 1.** Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép tại tỉnh Long An giai đoạn 2010 – 2021 [14]

Năm	Số dự án đầu tư	Số vốn đăng ký (triệu đô)
2010	44	151,60
2011	69	152,46
2012	58	130,35
2013	51	182,40
2014	93	515,90
2015	109	694,36
2016	116	250,83
2017	101	241,70
2018	92	431,90
2019	136	382,24
2020	85	398,11
2021	54	3.473,88
<b>Tổng</b>	<b>1.008</b>	<b>7.005,73</b>

*Số lượng dự án và quy mô vốn đầu tư:* Giai đoạn 2010 - 2015, số lượng dự án tăng nhanh (từ 44 lên 109 dự án) song quy mô vốn bình quân mỗi dự án còn thấp (năm 2010 chỉ khoảng 3,45 triệu USD/dự án, năm 2015 khoảng 6,37 triệu USD/dự án), cho thấy phần lớn là các dự án nhỏ, thâm dụng lao động. Từ năm 2016 trở đi, mặc dù số lượng dự án không còn tăng mạnh, thậm chí giảm trong một số năm (như 54 dự án vào năm 2021), nhưng vốn bình quân/dự án tăng đột biến, đặc biệt năm 2021 đạt khoảng 64,3 triệu USD/dự án, cao gấp hơn 10 lần mức bình quân các năm trước. Điều này cho thấy xu hướng chuyển dịch từ các dự án nhỏ sang các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Long An trong giai đoạn hội nhập sâu rộng. Các nhà đầu tư nước ngoài không còn tập trung vào lĩnh vực gia công, lắp ráp mà chuyển sang những ngành có hàm lượng công nghệ cao hơn, sử dụng vốn lớn, ít thâm dụng lao động nhưng tạo giá trị gia tăng cao và đóng góp lớn vào ngân sách địa phương.

### 3.2.2. Lĩnh vực đầu tư

Giai đoạn 2010 - 2021, cơ cấu FDI tỉnh Long An cho thấy sự tập trung áp đảo vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (xem bảng 2). Tính đến cuối năm 2021, lĩnh vực này chiếm 1.014 dự án với tổng vốn đăng ký 5.422,31 triệu USD, tương đương hơn 53% tổng vốn FDI toàn tỉnh. Bên cạnh đó, có sự chuyển dịch cơ cấu ngành đầu tư theo từng thời kỳ, giai đoạn 2010 - 2015 chủ yếu đầu tư lĩnh vực công nghiệp, từ sau 2016 bắt đầu xuất hiện các dự án lớn trong lĩnh vực năng lượng và logistics thể hiện qua vốn đăng ký trong sản xuất, phân phối điện, khí đốt (3.140,81 triệu USD vào năm 2021) và vận tải kho bãi (tăng từ 16,75 triệu USD năm 2015 lên 282,97 triệu USD vào năm 2021) [14] - [16]. Các ngành bán buôn bán lẻ, bất động sản và hoạt động khoa học công nghệ,... có số dự án và vốn khiêm tốn. Trong khi đó, các lĩnh vực như nông, lâm, ngư nghiệp chỉ ghi nhận 4 dự án với 10,23 triệu USD và hầu như không tăng trưởng từ sau năm 2015.

Cơ cấu này cho thấy dòng vốn FDI vào tỉnh Long An tính đến năm 2021 thiên về các dự án năng lượng quy mô lớn song vẫn duy trì dòng vốn ổn định vào công nghiệp chế biến, lĩnh vực chủ lực thu hút nhiều dự án. Điều này phản ánh xu hướng chuyển dịch từ các dự án sử dụng nhiều lao động sang các dự án có hàm lượng vốn và công nghệ cao. Nguyên nhân chủ yếu là do lợi thế so sánh của tỉnh Long An giáp với Thành phố Hồ Chí Minh, hệ thống khu công nghiệp,

cum công nghiệp phát triển, cùng chính sách ưu tiên thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo để thúc đẩy công nghiệp hóa. Ngược lại, nông nghiệp còn gặp nhiều rào cản về hạ tầng, quỹ đất thiếu tập trung và khả năng sinh lời thấp, trong khi dịch vụ chưa phát triển tương xứng quy mô dân số và tốc độ đô thị hóa.

**Bảng 2.** Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép phân theo ngành kinh tế tỉnh Long An (Lấy kể các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2021) [14]

Lĩnh vực	Số dự án được cấp phép	Tổng vốn đăng ký (triệu đô)
Nông, lâm, ngư nghiệp	04	10,23
Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.014	5.422,31
Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước và điều hòa không khí	04	3.140,81
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải	08	508,08
Xây dựng	07	125,16
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	21	34,15
Vận tải kho bãi	18	282,97
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	02	0,37
Thông tin và truyền thông	01	1,98
Hoạt động kinh doanh bất động sản	38	556,89
Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	07	17,55
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	04	10,74
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	01	2,50
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	01	0,30
<b>Tổng</b>	<b>1.130</b>	<b>10.114,04</b>

Về chất lượng dự án, vốn bình quân nhóm ngành năng lượng và bất động sản cao vượt trội, trong khi nhóm ngành nông nghiệp và dịch vụ thấp, ít ứng dụng công nghệ cao. Điều này chưa phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao mà tỉnh đề ra, phản ánh khoảng cách giữa mục tiêu chiến lược và thực tiễn thu hút đầu tư. Hơn nữa, sự lệ thuộc lớn vào công nghiệp chế biến, chế tạo tiềm ẩn rủi ro về ô nhiễm môi trường và khả năng lan tỏa công nghệ còn hạn chế. Do đó, việc điều chỉnh cơ cấu FDI theo hướng cân bằng hơn, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường và gắn với chuỗi giá trị nông nghiệp là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn tới.

### 3.2.3. Đối tác đầu tư

Cơ cấu quốc gia đầu tư vào tỉnh Long An, số liệu bảng 3 cho thấy sự chiếm ưu thế rõ rệt đến từ các nước châu Á, đặc biệt là Hàn Quốc, Xin-ga-po, Nhật Bản, Đài Loan và Hồng Kông. Tính đến cuối năm 2021, Hàn Quốc có 219 dự án với tổng vốn 1.077,98 triệu USD; Xin-ga-po có 49 dự án với 3.752,58 triệu USD; Nhật Bản có 157 dự án với 828,21 triệu USD; trong khi Đài Loan và Hồng Kông đạt mức vốn lần lượt là 1.228,94 triệu USD và 842,12 triệu USD. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ lợi thế vị trí địa lý gần gũi, sự tương đồng về văn hóa kinh doanh, các hiệp định thương mại song phương và khu vực, cùng với chiến lược dịch chuyển chuỗi cung ứng của các tập đoàn châu Á sang Việt Nam để tận dụng chi phí nhân công cạnh tranh và vị trí cửa ngõ vùng Đông Nam Bộ của tỉnh Long An. Ngược lại, các nhà đầu tư đến từ châu Âu như Anh, Pháp, Đức hay Hà Lan có mức đầu tư hạn chế, cả về số dự án lẫn vốn đăng ký. Điều này phản ánh một số rào cản như khoảng cách địa lý, sự khác biệt trong tiêu chuẩn kỹ thuật và ưu tiên đầu tư, cũng như việc các doanh nghiệp châu Âu thường tập trung vào các đô thị lớn, các khu công nghiệp có hạ tầng hiện đại.

Về xu hướng đầu tư, dữ liệu cho thấy tỷ trọng vốn đến từ các nước châu Á tăng nhanh, đặc biệt giai đoạn 2015 - 2021, trong khi sự hiện diện của các nhà đầu tư châu Âu tương đối ổn định nhưng không có bứt phá. Xu hướng này thể hiện cơ cấu đối tác đầu tư của tỉnh Long An mang tính ổn định, phù hợp với mạng lưới sản xuất khu vực, song cũng cho thấy địa phương cần có chính sách đặc thù hơn để thu hút các nhà đầu tư đến từ các nền kinh tế phát triển ở châu Âu nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và công nghệ.

**Bảng 3. Đối tác đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Long An giai đoạn 2010 - 2021**

Năm	2010 (Luỹ kế đến ngày 31/12/2010)		2015 (Luỹ kế đến ngày 31/12/2015)		2021 (Luỹ kế đến ngày 31/12/2021)	
	Số dự án cấp phép	Tổng vốn đăng ký	Số dự án cấp phép	Tổng vốn đăng ký	Số dự án cấp phép	Tổng vốn đăng ký
Vương quốc Anh	05	45,1	04	13,32	08	24,86
Ả Rập Xê Út	-	-	-	-	01	0,05
Áo	01	0,2	02	0,40	02	0,40
Ấn Độ	02	48,0	06	73,04	07	74,94
Bi	02	3,3	02	3,78	02	3,78
Bru-nây	04	5,3	04	9,00	08	34,00
Ca-na-da	03	3,1	06	34,53	08	38,23
Đài Loan	125	737,6	160	935,21	203	1.228,94
Đan Mạch	-	-	01	0,25	01	0,41
Hà Lan	04	7,5	08	44,80	07	44,60
Hàn Quốc	63	704,3	123	521,02	219	1.077,98
Hoa Kỳ	14	112,7	15	469,39	28	480,28
Hồng Kông	08	29,9	17	416,70	80	842,12
In-đô-nê-xi-a	01	29,7	01	28,00	01	28,00
Ai-len	11	866,5	01	1,20	01	8,00
Ma-lai-xi-a	06	19,4	07	26,60	09	27,96
Ma-ri-ti-us	05	36,5	05	33,75	03	42,88
Na Uy	01	18,5	03	19,05	03	19,05
Niu-di-lân	02	3,7	02	3,33	02	3,33
Nga	01	2,1	01	0,33	01	0,33
Nhật Bản	35	64,8	119	396,54	157	828,21
Pháp	08	73,9	10	120,47	11	121,33
Phi-líp-pin	-	-	04	17,41	02	17,50
Xa-moa	06	101,5	09	109,83	19	81,06
Xây-sen	-	-	04	38,90	14	59,65
Xin-ga-po	14	262,1	22	361,63	49	3.752,58
Xri-lan-ca	01	0,4	01	0,30	02	3,30
Tây Ban Nha	01	0,4	01	0,40	01	0,40
Thái Lan	11	215,4	19	239,93	24	269,01
Thụy Điển	-	-	02	10,74	03	10,84
Thụy Sĩ	01	3,2	02	3,30	03	5,64
Trung Quốc	35	118,4	94	158,46	195	337,83
Úc	05	17,3	10	45,54	17	125,38
Thổ Nhĩ Kỳ	-	-	01	2,00	02	30,58
Lúc-xăm-bua	-	-	01	1,50	03	28,86
Quần đảo Virgin thuộc Anh	-	-	19	419,30	23	432,20
Đức	03	12,8	01	2,00	07	15,56
Cayman Islands	-	-	-	-	02	12,00
Cộng hòa Síp	-	-	-	-	01	0,01
Ý	-	-	-	-	01	1,96
Scotland	01	78,0	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>379</b>	<b>3.621,6</b>	<b>687</b>	<b>4.561,95</b>	<b>1.130</b>	<b>10.114,04</b>

(Nguồn: [14] - [16])

### 3.3. Đánh giá chung

#### 3.3.1. Kết quả đạt được

Quá trình thu hút FDI vào tỉnh Long An giai đoạn 2010 - 2021 đạt được những kết quả sau:

Một là, quy mô vốn FDI tăng mạnh và chuyển biến rõ về chất lượng đầu tư. Tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh đạt khoảng 7,0 tỷ USD trong giai đoạn này, riêng năm 2021 thu hút tới 3,47 tỷ

USD, chiếm gần 50% tổng vốn toàn kỳ. Quy mô vốn bình quân mỗi dự án tăng đột biến, từ khoảng 3,45 triệu USD năm 2010 lên tới 64,3 triệu USD vào năm 2021, cho thấy sự xuất hiện các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, phù hợp định hướng phát triển bền vững của tỉnh.

Hai là, lợi thế vị trí địa lý và hệ thống khu công nghiệp phát triển giúp tỉnh Long An trở thành một trong những địa phương dẫn đầu về thu hút vốn đầu tư ở một số thời điểm. Cụ thể, theo Báo Long An [17], trong Quý I/2021, tỉnh đứng đầu cả nước về tổng vốn FDI đăng ký nhờ một số dự án năng lượng quy mô lớn. Đây là lợi thế đặc thù mà các địa phương khác vùng Đồng bằng sông Cửu Long không có được.

Ba là, cơ cấu ngành FDI chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng các lĩnh vực có hàm lượng vốn và giá trị gia tăng cao. Tính đến cuối năm 2021, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 53% tổng vốn FDI, trong khi lĩnh vực năng lượng và logistics có sự bứt phá mạnh mẽ, phản ánh xu hướng chuyển từ dự án gia công, lắp ráp sang các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

Bốn là, chất lượng các dự án FDI được nâng cao rõ rệt, thể hiện qua xu hướng giảm dần tỷ trọng các dự án quy mô nhỏ, thâm dụng lao động, thay thế bằng những dự án có vốn đầu tư lớn, hàm lượng công nghệ cao và khả năng liên kết sâu với chuỗi giá trị toàn cầu. Đáng chú ý, với lợi thế vị trí chiến lược nằm giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, cùng hệ thống giao thông liên vùng ngày càng hoàn thiện, giúp Long An trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư có uy tín. Tương tự như Bình Dương, tỉnh đã thu hút được nhiều tập đoàn lớn đến từ các nền kinh tế phát triển trong khu vực châu Á như Hàn Quốc, Xin-ga-po, Nhật Bản, góp phần tạo dựng môi trường đầu tư ổn định, nâng tầm chất lượng tăng trưởng kinh tế địa phương. Kết quả này cho thấy việc triển khai các chủ trương thu hút FDI tỉnh Long An trong hơn một thập niên qua là đúng định hướng, có tính kế thừa và hiệu quả cao.

### 3.3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình thu hút FDI tỉnh Long An giai đoạn 2010 - 2021 tồn tại những hạn chế như:

Số dự án FDI vào tỉnh Long An tăng qua các giai đoạn nhưng biến động mạnh và giảm sâu trong những năm 2019 - 2021. Vốn đăng ký tăng nhanh, song chủ yếu tập trung ở một vài dự án quy mô lớn, dẫn đến mất cân đối giữa tốc độ tăng vốn và số dự án.

Lĩnh vực đầu tư FDI tập trung chủ yếu vào công nghiệp chế biến, chế tạo (trên 50% vốn đăng ký), trong khi nông nghiệp, dịch vụ,... có tỷ trọng thấp và gần như không tăng trưởng. Nông nghiệp, lĩnh vực chiến lược chỉ 4 dự án với hơn 10 triệu USD, cho thấy cơ cấu đầu tư mất cân đối và thiếu định hướng bền vững, làm tăng rủi ro khi chuỗi cung ứng toàn cầu biến động.

Đối tác đầu tư FDI chủ yếu đến từ các nước châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Xin-ga-po,... trong khi dòng vốn từ châu Âu còn hạn chế. Cơ cấu đối tác thiếu đa dạng nên khó tiếp cận công nghệ cao và quản trị tiên tiến.

Tình trạng trên đặt ra thách thức lớn đối với việc nâng cao chất lượng tăng trưởng và đảm bảo tính bền vững của khu vực FDI trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ:

Thứ nhất, hạ tầng kỹ thuật và logistics chưa đồng bộ, đặc biệt tại các khu vực ngoài trung tâm tỉnh, làm hạn chế khả năng tiếp nhận các dự án quy mô lớn. Nhiều tuyến giao thông kết nối vùng, các tuyến vành đai và hệ thống kho hàng, vận chuyển trong chuỗi cung ứng chưa được hoàn thiện kịp thời so với tốc độ đầu tư, do hạn chế nguồn vốn đầu tư công và sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các cấp chính quyền trong giải phóng mặt bằng, quy hoạch hạ tầng.

Thứ hai, thiếu liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong tỉnh, chưa hình thành được chuỗi giá trị địa phương như chủ trương đề ra. Trên thực tế, phần lớn doanh nghiệp FDI vẫn hoạt động tách biệt, chủ yếu nhập nguyên liệu từ bên ngoài và xuất khẩu trực tiếp sản phẩm, chưa tạo được mạng lưới liên kết bền vững với các doanh nghiệp địa phương. Sự thiếu gắn kết trên làm giảm hiệu ứng lan tỏa về công nghệ, kỹ năng quản trị và chuyên gia tri thức từ khu vực FDI sang khu vực kinh tế trong tỉnh.

Thứ ba, chính sách ưu đãi đầu tư còn thiếu tính đồng bộ và chuyên biệt, chưa hình thành được các gói hỗ trợ đặc thù gắn với từng lĩnh vực ưu tiên như công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao hay năng lượng sạch.

### 3.3.3. Giải pháp

Nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy tiềm năng sẵn có, tỉnh Long An cần chú trọng xây dựng và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả thu hút vốn FDI. Cụ thể như:

Một là, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, logistics, đặc biệt là các công trình giao thông kết nối liên vùng như cao tốc Bến Lức - Long Thành, các tuyến vành đai, đường tỉnh trục động lực và hệ thống cầu qua sông Vàm Cỏ. Bên cạnh đó, cần quy hoạch, đầu tư đồng bộ hệ thống kho bãi, cảng cạn và trung tâm logistics, mà trọng tâm là cụm cảng quốc tế Long An (Cần Giuộc). Việc phát triển hạ tầng theo hướng đồng bộ, kết nối vùng sẽ gia tăng khả năng tiếp nhận các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, giảm chi phí vận chuyển và tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư.

Hai là, khuyến khích doanh nghiệp FDI liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh thông qua hợp đồng gia công, cung ứng linh kiện hoặc chuyên giao công nghệ. Thúc đẩy hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành như cụm công nghiệp công nghệ cao và logistics vùng Bến Lức - Đức Hòa, cụm nông nghiệp công nghệ cao Tân Thạnh - Thạnh Hóa gắn với xuất khẩu và cụm dịch vụ khu vực Tân An. Phát triển mô hình khu chế biến nông sản và logistics ven sông để tận dụng thế mạnh nông nghiệp hay triển khai gói ưu đãi vận tải xuyên biên giới để củng cố vai trò cửa ngõ vùng.

Ba là, đa dạng hóa thị trường và lĩnh vực đầu tư, hướng tới các đối tác chiến lược ngoài châu Á và các nền kinh tế phát triển. Chủ động xây dựng bộ hồ sơ quảng bá đầu tư chuyên nghiệp, đa ngôn ngữ, tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như nông nghiệp, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến thực phẩm và logistics. Việc mở rộng cơ cấu nhà đầu tư và ngành nghề không chỉ giảm thiểu rủi ro khi chuỗi cung ứng toàn cầu biến động mà còn góp phần nâng cao trình độ công nghệ, tính bền vững và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

Các giải pháp trên hướng tới cải thiện và đa dạng hóa môi trường đầu tư, tăng cường hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Đây được xem là nền tảng quan trọng giúp tỉnh Long An tạo dựng hình ảnh là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế.

## 4. Kết luận

Giai đoạn 2010 - 2021, tỉnh Long An đạt được những kết quả nổi bật trong thu hút FDI cả về quy mô vốn, chất lượng dự án và cơ cấu ngành đầu tư, qua đó khẳng định vai trò động lực của khu vực FDI đối với tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Những thành tựu này không chỉ phản ánh hiệu quả định hướng phát triển kinh tế mở, mà còn cung cấp cơ sở cho việc hoạch định chính sách thu hút đầu tư trong giai đoạn tiếp theo. Các kết quả đạt được giúp củng cố vị thế tỉnh Long An như một cực tăng trưởng mới ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, sự mất cân đối giữa các lĩnh vực đầu tư, cơ cấu đối tác thiếu đa dạng nhất là các nhà đầu tư đến từ châu Âu cho thấy tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện về hạ tầng, liên kết chuỗi gia trị, thể chế và chính sách hỗ trợ chuyên biệt. Đây cũng là định hướng tiềm năng nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của FDI tại địa phương trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế kinh tế tỉnh Long An trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] A. M. Hoang, "Attracting foreign investment in Vietnam - policies, results and solutions," *Journal of Vietnam Communist Party's History*, September 29, 2024. [Online]. Available: <https://www.tapchi lichsudang.vn /thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-o-viet-nam-chu-truong-ket-qua-va-giai-phap.html>. [Accessed September 12, 2025].
- [2] Communist Party of Vietnam, *Documents of the 13th National Congress of Delegates*, vol. 2. Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2021.

- [3] V. H. Bui and T. B. T. Pham, "Attracting foreign direct investment in Vietnam today: Some theoretical and practical issues," *Communist Review*, July 05, 2024. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/937402/thu-hut-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tai-viet-nam-hien-nay--mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien.aspx>. [Accessed September 12, 2025].
- [4] T. Viet, "Policy to attract foreign direct investment in recent times and some suggestions for Hanoi," *Communist Review*, September 01, 2024. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thanh-pho-ha-noi/-/2018/966502/chinh-sach-thu-hut-nguon-von-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-thoi-gian-qua-va-mot-so-goi-y-cho-ha-noi.aspx>. [Accessed September 12, 2025].
- [5] M.T. Pham and V. V. Huynh, "Binh Duong Provincial Party Committee leads in attracting foreign direct investment (2005 - 2015)," *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, vol. 15, no. 2, pp. 165-172, 2018.
- [6] M. T. Pham and H. P. Vo, "Tien Giang Provincial Party Committee leads in attracting foreign direct investment from 2010 to 2019," *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, vol. 18, no. 1, pp. 187-194, 2021.
- [7] X. Q. Nguyen, "The significant contribution of foreign direct investment to the socio-economic development of Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 07, pp. 313-320, 2020.
- [8] M. T. Pham, "Japanese Foreign Direct Investment (FDI) in Ho Chi Minh City in the last 10 years (2006 - 2016) - Current situation and solutions," *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, vol. 14, no. 5, pp. 183-188, 2017.
- [9] M. T. Pham, "Some results and experiences of Ho Chi Minh City Party Committee in leading the attraction of foreign direct investment from 2006 to 2010," *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, vol. 5, no. 83, pp. 156-163, 2016.
- [10] T. V. Dinh, "Improving the investment environment to attract foreign direct investment in Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 18, pp. 177-184, 2021.
- [11] Long An Provincial Party Committee, *Documents of the 9th Provincial Party Congress, term 2010 – 2015*, Department of Information and Communications, Long An, 2010.
- [12] Long An Provincial Party Committee, *Documents of the 10th Provincial Party Congress, term 2015 – 2020*, Department of Information and Communications, Long An, 2015.
- [13] Long An Provincial Party Committee, *Documents of the 11th Provincial Party Congress, term 2020 – 2025*, Department of Information and Communications, Long An, 2020.
- [14] Long An Provincial Statistics Office, *Statistical Yearbook 2021*. General Publishing House, Ho Chi Minh City, 2021.
- [15] Long An Statistical Office, *Statistical Yearbook 2011*. Statistic Publishing House, Hanoi, 2011.
- [16] Long An Statistical Office, *Statistical Yearbook 2015*. Statistic Publishing House, Hanoi, 2015.
- [17] H. Mai, "Long An leads the country in attracting FDI capital," *Long An Newspaper*, November 22, 2021. [Online]. Available: <https://www.baolongan.vn/long-an-dan-dau-ca-nuoc-trong-thu-hut-von-fdi-a125939.html>. [Accessed October 30, 2025].